

Số: 539/BC-CTK

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2022

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Nông nghiệp: Lúa mùa đã được thu hoạch xong, giải phóng đất trồng cây vụ đông kịp theo thời vụ; nông dân hiện đang tập trung gieo trồng các loại cây trồng có thị trường tiêu thụ thuận lợi và có hiệu quả kinh tế cao; chăn nuôi diễn biến thuận lợi, ngành chức năng tiếp tục tăng cường chỉ đạo thực hiện các giải pháp tái đàn. Lâm nghiệp, tập trung chăm sóc và bảo vệ rừng trồng. Thủy sản, giữ ổn định diện tích nuôi trồng và sản lượng.

1.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt

Vụ đông, theo nhận định thời tiết ẩm khá đặc biệt, diễn biến ẩm tiếp tục biểu hiện phức tạp sẽ là khó khăn với sản xuất. Để hạn chế nhất những ảnh hưởng bất thuận, đảm bảo thắng lợi cho sản xuất, ngành Nông nghiệp chú trọng triển khai các giải pháp: Chỉ đạo nông dân chăm sóc các loại rau màu, nhất là nhóm cây ưa lạnh; đôn đốc thu hoạch cây đã đến kỳ thu hoạch để đảm bảo năng suất và sản lượng theo kế hoạch. Với diện tích rau trên đất chuyên màu đã thu hoạch, chỉ đạo nông dân khẩn trương vệ sinh đồng ruộng, làm đất và chuẩn bị hạt giống rau các loại đảm bảo chất lượng để tiếp tục gieo trồng ngay trên diện tích mới thu càng sớm càng tốt nhằm đảm bảo nguồn rau cung cấp cho thị trường, nhất là dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán. Kế hoạch sản xuất vụ đông, toàn tỉnh phân đầu gieo trồng 6.500 ha cây rau màu các loại (*giảm 500 ha so với năm trước*). Tính đến trung tuần tháng 11, toàn tỉnh đã gieo trồng được 5.234,8 ha cây rau màu vụ đông, đạt 81,2% kế hoạch và bằng 111,8% so với cùng kỳ; trong đó: Ngô gieo trồng được 285,3 ha, đạt 81,7% kế hoạch và bằng 111,8% so với cùng kỳ; khoai tây: 1.791,2 đạt 89,6% kế hoạch và bằng 154,5% so với cùng kỳ; hành tỏi: 230 ha, bằng 82,6% so với cùng kỳ; cà rốt: 1.395,7 ha, đạt 103,4% kế hoạch và bằng 106,5% so với cùng kỳ; bí các loại: 227,7 ha, đạt 65,1% kế hoạch và bằng 81,9% so với cùng kỳ; rau các loại: 1.346,9 ha, đạt 65,7% kế hoạch và bằng 119,2% so với cùng kỳ...; diện tích hoa các loại đạt 213,4 ha, bằng 95% so với cùng kỳ. Thời điểm này, nông dân đang tích cực bón phân

N-P-K; theo dõi chặt chẽ và phòng trừ kịp thời, hiệu quả các đối tượng sinh vật gây hại trên cây trồng... Các đơn vị KTCTTL Bắc Đuống, Nam Đuống chủ động xây dựng phương án bơm tiêu nước đệm khi mưa lớn; bảo đảm đủ nguồn nước tưới dưỡng trong mùa hanh khô, tạo điều kiện tốt nhất cho cây trồng sinh trưởng và phát triển.

Sơ bộ kết quả lúa vụ mùa, trong tháng 11, nông dân tập trung tranh thủ thời gian, tận dụng dịch vụ máy móc để khẩn trương thu hoạch lúa đã chín, góp phần đảm bảo năng suất toàn vụ. Năng suất vụ mùa sơ bộ đạt 63,3 tạ/ha, giảm 0,04% (-0,03 tạ); sản lượng đạt trên 188,1 nghìn tấn, giảm 3,4% (-6,57 nghìn tấn) so với cùng vụ năm trước, do diện tích gieo trồng giảm.

b) Chăn nuôi và hoạt động phòng, chống dịch, chữa bệnh động vật

Hoạt động chăn nuôi:

Tháng 11, một loạt các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi lại đồng loạt thông báo giá bán sản phẩm thức ăn chăn nuôi tăng lên từ 120-400 đồng/kg tùy loại. Nguyên nhân do tình hình giá nhiên liệu, nguyên liệu và chi phí sản xuất khác cho thức ăn liên tục tăng cao, kèm theo đó là tỉ giá USD tăng và chưa có dấu hiệu ngừng lại, làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất. Các yếu tố này dẫn đến chi phí logistic tăng, tác động đến giá cả hàng hóa thế giới, hoạt động xuất nhập khẩu và gây sức ép lên mặt bằng giá trong nước. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chuyển dịch từ chăn nuôi nông hộ, nhỏ lẻ sang chăn nuôi quy mô lớn như tăng dần hình thức chăn nuôi trang trại, gia trại theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp có kiểm soát an toàn dịch bệnh và môi trường. Giá thịt lợn hơi cơ bản đứng giá nhưng đang ở mức khá cao, đồng thời giá sản phẩm chăn nuôi gia cầm vẫn có xu hướng tăng, nhất là giá trứng ở mức khá cao, đây là nguyên nhân có tác động cải thiện hiệu quả quy mô chăn nuôi.

Biểu 01. Số liệu đầu con vật nuôi, gia súc gia cầm

	Đơn vị tính	Thời điểm 15/11/2022	So với cùng thời điểm năm trước (%)
Đàn Trâu	Con	3.100	106,9
Đàn Bò	”	24.850	93,8
Đàn lợn	”	294.000	105,5
Gia cầm	Nghìn con	5.900	103,5
Trong đó: gà	”	4.750	103,3

Lũy kế 11 tháng, sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng ước đạt 76.244 tấn, tăng (+5,3%) so với cùng kỳ năm trước, riêng tháng 11 ước đạt 7.065 tấn, tăng (+21,7%) so với cùng tháng năm trước.

Hoạt động phòng, chống dịch, chữa bệnh bệnh động vật:

Trong tháng qua, trên địa bàn tỉnh phát hiện 01 ổ bệnh nghi mắc dại trên đàn chó tại xã Trung Chính, huyện Lương Tài. Các biện pháp phòng, chống dịch đã triển khai cụ thể là: (1) Thông báo tới các huyện, thành phố về tình hình ổ dịch nghi mắc dại trên đàn chó tại huyện Lương Tài để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch. Phân công cán bộ tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh trên vật nuôi của tỉnh, đặc biệt là dịch bệnh dại trên đàn chó, mèo nhằm phát hiện sớm, ngăn chặn và xử lý kịp thời khi dịch bệnh xảy ra; (2) Phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trong việc chia sẻ thông tin để theo dõi, giám sát, phòng chống bệnh dại động vật và điều tra xử lý kịp thời các ổ dịch theo quy định của pháp luật về thú y. Tổ chức triển khai thực hiện tiêm phòng dại tra cho đàn gia súc, gia cầm vụ thu - đông năm 2022 và Tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường trên địa bàn tỉnh. Kết quả đạt được như sau: Công tác tiêm phòng: Tiêm được 21.824 liều vắc xin các loại cho đàn trâu, bò; 271.319 liều vắc xin các loại cho đàn lợn; 4.698.192 liều vắc xin các loại cho đàn gia cầm, 61.284 liều vắc xin dại cho đàn chó, mèo. Công tác vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường: Toàn tỉnh đã sử dụng 2.266 lít hóa chất và 30 tấn vôi bột để khử trùng, tiêu độc đường làng, ngõ xóm, khu phố, nơi có mật độ chăn nuôi lớn, ổ dịch cũ và nơi có nguy cơ lây nhiễm cao. Tổ chức 04 lớp tập huấn “Kỹ thuật bảo quản, vận chuyển và sử dụng vắc xin phòng, chống dịch cho đàn gia súc, gia cầm” tại các huyện, thành phố; (3) Hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện các biện pháp phòng dịch, chủ động khai báo với chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn thú y khi có gia súc, gia cầm ốm, chết không rõ nguyên nhân. Khuyến cáo người chăn nuôi áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học.

1.2. Lâm nghiệp

Trong tháng, thời tiết khô hanh nên công tác phòng ngừa nguy cơ cháy rừng được quan tâm hơn. Ngành chức năng đã chủ động ứng phó với thời tiết trong mùa khô, để bảo vệ diện tích rừng trên địa bàn, đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương có rừng thực hiện tốt công tác tuần tra, bảo vệ rừng, đảm bảo lực lượng trực 24/24 giờ vào các đợt hanh khô, các ngày lễ, có biện pháp kịp thời nguy cơ cháy rừng. Đồng thời, duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trong nhân dân, thực hiện tốt quy ước bảo vệ rừng tại các thôn có rừng trên địa bàn toàn tỉnh.

Trồng và chăm sóc rừng: Kế hoạch đề ra của tỉnh năm 2022, toàn tỉnh trồng được 282,96 nghìn cây. *Tính đến cuối tháng 11*, toàn tỉnh ước tính trồng được 268,72 nghìn cây phân tán các loại, đạt 94,97% KH năm và giảm 2,64% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích rừng được chăm sóc là 83,4 ha, đạt 100% KH. Diện tích rừng được giao khoán bảo vệ là 418,13 ha, đạt 100% KH và tăng 8,5% so với cùng kỳ.

Khai thác gỗ và lâm sản: Rừng ở tỉnh Bắc Ninh là rừng cảnh quan, môi trường, không được phép khai thác. Do vậy gỗ, củi khai thác chủ yếu từ cây phân tán đến tuổi thu hoạch nằm trên các trục đường giao thông, trong vườn tạp của các hộ gia đình, bờ mương và một số tuyến đường cần giải phóng mặt bằng để nâng cấp. *Trong tháng 11*, tổng số gỗ khai thác ước đạt 300 m³, giảm 1,64% (-5 m³); khai thác được 309 ste củi, giảm 3,44% (-11 ste) so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, ngành chức năng tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lâm nghiệp: Phát hiện, kiểm tra và xử lý 01 vụ lấn chiếm rừng tại thôn Đông Sơn, xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du.

1.3. Thủy sản

Trong tháng 11, thời tiết tương đối thuận lợi cho sinh trưởng và phát triển của các đối tượng cá nuôi, khí hậu mát mẻ do có các đợt không khí lạnh với cường độ nhẹ, nhiệt độ dao động trong khoảng 20,8⁰C - 29,9⁰C. Không có dịch bệnh lớn xảy ra. Các đơn vị sản xuất giống thủy sản tiếp tục nuôi vỗ tích cực đàn cá bố mẹ, phục vụ cho năm sản xuất 2022 và đàn cá hậu bị; ương dưỡng các đối tượng cá giống đáp ứng cho nhu cầu của nuôi và chuẩn bị tốt điều kiện ương dưỡng giống cá qua đông. Giá các loại cá thương phẩm tiêu thụ ổn định và có xu hướng tăng 20-25% so với các tháng trước và so với cùng kỳ năm 2021 (cá rô phi đơn tính loại 1 là 40.000-42.000đ/kg, giá cá chép loại 1 là 50.000-52.000/kg, cá diêu hồng loại 1 là 54.000-56.000đ/kg, cá trắm cỏ loại 1 là 52.000-55.000/kg,) đặc biệt là cá lăng đen (cá nheo Mỹ) tăng 200-250% có giá là 130.000-135.000đ/kg). Giá cá ngành sông 115.000-120.000đ/kg, giá cá trắm đen, chép giòn 90.000-100.000đ/kg. Giá giống ổn định so với các tháng trước và tăng cao 20-25% so với cùng kỳ, nhất là giống cá nheo Mỹ, cá chuối hoa, cá diêu hồng do phụ thuộc vào nhập khẩu, khan hiếm nguồn cung; giá thức ăn công nghiệp, nguyên liệu đầu vào khác tuy không tăng, nhưng vẫn ở mức cao.

Tính đến giữa tháng 11, diện tích nuôi cá thâm canh trong ao đất và số lồng nuôi cá trên sông được duy trì ổn định, cơ cấu giống cá thả nuôi được người dân chú trọng để phát triển nuôi các đối tượng cá có năng suất, chất lượng, giá trị

kinh tế cao như: Cá nheo Mỹ, cá rô phi đơn tính, cá điêu hồng, cá chép, cá tầm, cá chiên.... Diện tích nuôi cá ao đất ước đạt 4.786,8 ha, đạt 99,1% so cùng kỳ năm 2021. Số lượng lồng nuôi trên sông ước đạt 2.485 lồng, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2021 (tăng 218 lồng so với cùng kỳ).

Lũy kế đến hết tháng 11, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 36.218 tấn, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng nuôi trồng là 35.167 tấn, tăng 1,8%; sản lượng thủy sản khai thác là 1.051 tấn, giảm 0,8%.

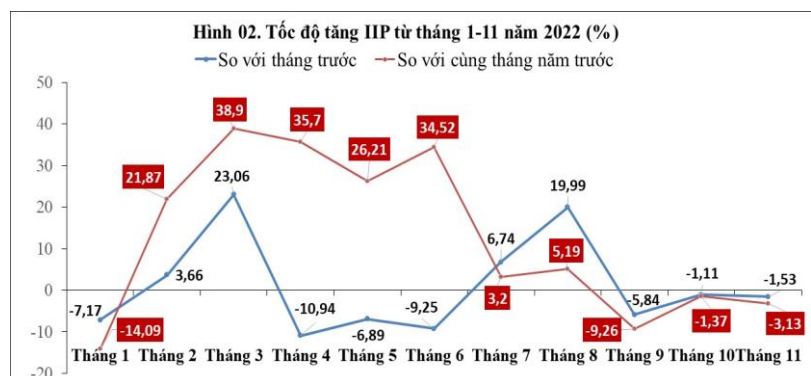
2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tiếp tục khó khăn, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 11/2021 ước tính giảm 3,13% so với cùng tháng năm trước (là tháng thứ 5 liên tiếp giảm so với cùng kỳ và tháng thứ 3 liên tiếp giảm ở cả 2 gốc so sánh), trong đó IIP ngành công nghiệp chế biến chế tạo giảm 3,21%. Trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo, ngành SXSP điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (SXSP điện tử) giảm (-1,84%). Tiếp tục kéo IIP 11 tháng năm 2022 xuống còn +8,73% (10 tháng năm 2022 là +11,75%). Nguyên nhân sản xuất công nghiệp bị chững lại do sự suy thoái chung của nền kinh tế toàn cầu do lạm phát, các vấn đề về chuỗi cung ứng và nhu cầu điện thoại thông minh thấp.

2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Biến động giá nhiên liệu, nguồn cung nguyên phụ liệu nhập khẩu khan hiếm đang khiến nhiều doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp chế biến, chế tạo gặp nhiều khó khăn; bất ổn chính trị cũng đẩy giá leo thang, làm chậm thời gian giao và nhận hàng; đây chính là những yếu tố gây áp lực đến hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Cụ thể chỉ số IIP tháng 11 và 11 tháng năm 2022 như sau:

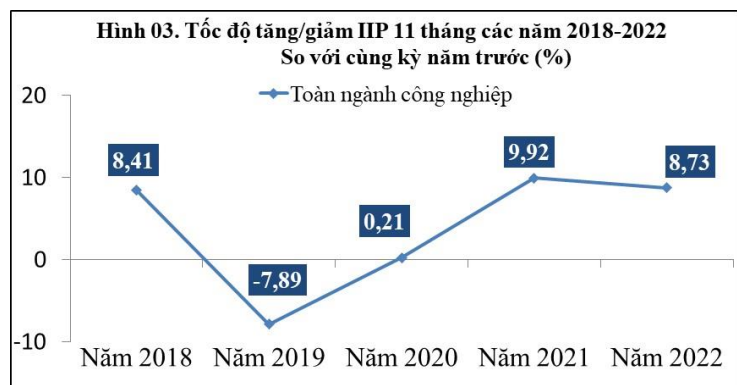
Tháng 11, IIP so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-1,53%) và (-3,13%), là tháng thứ 3 liên tiếp bị giảm ở cả hai gốc so sánh, cho thấy



xu hướng sản xuất công nghiệp các tháng cuối năm chững lại, ngoài những nguyên nhân nêu ở trên thì một nguyên nhân nữa là do hiện nay sản xuất công nghiệp chưa có dư địa mới, quy mô sản xuất công nghiệp của tỉnh các tháng cùng kỳ năm trước đạt cao. Diễn biến chỉ số IIP ở các ngành như sau: Ngành

công nghiệp chế biến, chế tạo, so với tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-1,51%) và (-3,21%). Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (-8,9%) nhưng (+12,05%). Riêng ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng ở cả 2 gốc so sánh (+2,28%) và (+9,53%). Trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo: *So với tháng trước*, có 10/20 ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số tăng, tuy nhiên các ngành này không thuộc ngành sản xuất trọng điểm,... Ở chiều ngược lại, có 10/20 ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số IIP giảm so với tháng trước trong đó ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học là ngành trọng điểm của tỉnh bị giảm (-1,4%) đồng thời kéo chỉ số IIP chung giảm xuống. *So với cùng tháng năm trước*, có một số ngành cũng đạt mức tăng cao là: SX MMTB chưa được phân vào đâu (+40,51%); SX xe có động cơ (+37,72%); SX phương tiện vận tải khác (+38,16%); SXSP từ kim loại đúc sẵn (+28,06%). Tuy nhiên, có tới 50% số ngành bị giảm trong đó phải kể đến ngành trọng điểm SXSP điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (-1,84%).

Tính chung 11 tháng, chỉ số IIP tăng 8,73% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên vẫn thấp hơn mức tăng chỉ số IIP của năm trước (năm 2021 chỉ số IIP tăng 9,92%). Trong đó diễn biến ở một số ngành có



sự khác nhau như: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (+8,72%); ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng và hơi nước (+7,49%); ngành cung cấp, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+14,5%). Trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo có 13/20 ngành cấp 2 có mức tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm trước một số ngành có mức tăng rất cao như: Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+37,35%); Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (+29,16%); Sản xuất xe có động cơ (+28,4%); trong đó, ngành SXSP điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học là ngành trọng điểm của tỉnh (+9,85%). Tuy nhiên, ở một số ngành sản xuất do giá nguyên vật liệu đầu vào, giá nhiên liệu tăng cao đã ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất nên bị giảm, một số ngành giảm nhiều như: Ngành sản xuất thiết bị điện (-26,71%); ngành dệt (-17,28%).

**Biểu 02. Tốc độ tăng/giảm IIP 11 tháng các năm 2018-2022
so với cùng kỳ năm trước của một số ngành công nghiệp trọng điểm**

	ĐVT: %				
	2018	2019	2020	2021	2022
Sản xuất trang phục	-8,59	26,67	-24,23	60,1	6,73
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	19,25	4,63	7,03	10,84	4,48
Sản xuất kim loại	6,16	-2,21	-6,63	4,57	-1,54
SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học	8,55	-9,83	0,86	10,66	9,85
Sản xuất thiết bị điện	15,07	0,72	-12,42	6,81	-26,71
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	-9,40	-17,13	-30,49	-27,93	1,71

2.2. Sản phẩm công nghiệp

Tháng 11, các doanh nghiệp công nghiệp vẫn duy trì sản xuất theo kế hoạch. So với tháng trước, có 16/23 sản phẩm chủ yếu đạt mức tăng, trong đó, có 4/6 sản phẩm trọng điểm của tỉnh đạt mức tăng, cụ thể là: Sản phẩm điện thoại di động thường (+24,1%); Pin điện thoại các loại (+17,3%); Đồng hồ thông minh (+13,7%). So với cùng tháng năm trước, chỉ có 39% sản phẩm chủ yếu đạt mức tăng (nguyên nhân được nêu ở trên), trong đó có 2/6 sản phẩm trọng điểm của tỉnh đạt được mức tăng đó là: Linh kiện điện tử (+6,2%); Điện thoại di động thường (+3,1%). Ở chiều ngược lại có đến 61% sản phẩm chủ yếu bị giảm và có 4/6 sản phẩm trọng điểm của tỉnh bị giảm trong đó giảm nhiều nhất là Pin điện thoại các loại (-36,2%) tương tự điện thoại thông minh (-29,6%). Do các nguyên nhân khách quan được nêu ở trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh. Sản lượng một số sản phẩm chủ lực trong tháng 11/2022 cụ thể như sau:

Biểu 03. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong tháng 11

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 11 năm 2022	Tháng 11/2022 so với tháng 10/2022 (%)	Tháng 11/2022 so với tháng 11/2021 (%)
1. Máy in-copy	1000 cái	1.015	110,1	100,5
2. Điện thoại di động thường	1000 cái	5.583	224,1	103,1
3. Điện thoại thông minh	1000 cái	3.510	93,1	70,4
4. Đồng hồ thông minh	1000 cái	2.563	113,7	97,6
5. Linh kiện điện tử	Tỷ đồng	54.863	95,6	106,2
6. Pin điện thoại các loại	1000 viên	9.363	117,3	63,8

Tính chung 11 tháng, sản phẩm công nghiệp của tỉnh tiếp tục duy trì ổn định có trên 56% số sản phẩm chủ yếu đạt mức tăng so với cùng kỳ năm trước, với 50% số sản phẩm trọng điểm của tỉnh đạt mức tăng. Những tháng gần đây sản

xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn do giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng cao, xung đột giữa Nga-Ukraine chưa có hồi kết, tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến khó lường. Cụ thể, các sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao là:

Biểu 04. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp có chỉ số tăng cao

	Đơn vị tính	Ước tính 11 tháng năm 2022	11 tháng năm 2022 so với 11 tháng năm 2021 (%)
1. Vải tuyền	1000 m ³	7.078	109,6
2. Dược phẩm có chứa Vitamin	Kg	416.442	133,7
3. Bê tông trộn sẵn	m ³	304.993	137,8
4. Máy in-copy	1000 cái	11.461	128,8
5. Linh kiện điện tử	Tỷ đồng	510.642	117,1
6. Tủ bằng gỗ (trừ tủ bếp)	Cái	41.522	106,5

2.3. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp

Mặc dù sản lượng của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp bị chững lại, tuy nhiên những tháng cuối năm, nhu cầu sản xuất tăng lên, nhiều doanh nghiệp vẫn đẩy mạnh tuyển dụng lao động, do đó chỉ số sử dụng lao động thời điểm 01/11/2022 tăng ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+0,19%) và (+1,34%). Xét theo loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp ngoài Nhà nước so với các góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+0,03%) và (+10,67%); doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (+0,23%) và (+1,14%); riêng doanh nghiệp Nhà nước (+0,23%) nhưng giảm nhiều (-32,91%), nguyên nhân giảm mạnh so với cùng kỳ là do ở khu vực này chỉ còn một số ít doanh nghiệp vì đã cổ phần hóa, tuy nhiên, trong thời gian qua Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Bắc Ninh là một trong số doanh nghiệp ở khu vực này, môi trường làm việc ô nhiễm, vất vả, thu nhập thấp, chậm thanh toán lương, hiệu quả sản xuất thấp đã khiến nhiều công nhân nghỉ việc tập thể. Cũng tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong doanh nghiệp các ngành: Công nghiệp chế biến, chế tạo (+0,2%) và (+1,43%); sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí giữ nguyên so với tháng trước nhưng (-0,43%); ngành cung cấp nước và hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+0,11%) nhưng (-4,01%).

Tính chung 11 tháng, chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp so với cùng kỳ năm trước (+3,24%). Trong đó, chỉ có ngành công nghiệp chế biến chế tạo đạt mức tăng (+3,32%); ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí (-0,47%) và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (-0,28%). Số lao động đang làm việc

trong các loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp ngoài Nhà nước quy mô lao động tăng nhiều nhất (+10,22%); tiếp theo doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (+3,47%); riêng doanh nghiệp Nhà nước có quy mô lao động giảm rất nhiều (-32,91%).

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tháng 11, tình hình đăng ký doanh nghiệp (DN) tiếp tục duy trì tín hiệu tích cực, đăng ký DN thành lập mới là tháng thứ 2 liên tiếp đạt mức tăng so với tháng trước và cùng tháng năm trước. Lũy kế 11 tháng năm 2022 số DN thành lập mới và số DN quay trở lại hoạt động đều tăng khá cao so với cùng kỳ năm trước. Đây là những tín hiệu rõ nét cho thấy tinh thần khởi sự kinh doanh, niềm tin của cộng đồng DN đã dần trở lại, khu vực DN đã có sự phục hồi khá nhanh. Tuy nhiên, tổng vốn đăng ký và vốn đăng ký bình quân 1 DN giảm lần lượt là (-19%) và (-26,9%), như vậy, vẫn còn tâm lý thận trọng của DN trong quá trình bỏ vốn vào hoạt động SXKD, cũng như gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn. Việc số DN giải thể và tạm ngừng trong 11 tháng năm 2022 tăng cao so với cùng kỳ năm trước, cho thấy phần nào khó khăn của các DN khi tái gia nhập thị trường trong bối cảnh hiện nay.

Trong tháng, toàn tỉnh có 273 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký bổ sung là 2.628 tỷ đồng, so với tháng trước, tăng rất cao cả về số doanh nghiệp và tổng vốn đầu tư lần lượt là (+21,9%) và (+44%); so với cùng tháng năm trước, tăng (+17,7%) về số doanh nghiệp và tăng (+26,7%) về số vốn đăng ký. Về vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp thành lập mới đạt 9,6 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+18,1%) và (+7,7%); có 49 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động bằng với tháng trước và (+6,5%); ngược lại có 129 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, (+38,7%) và (+79,2%); có 30 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, (+11,1%) và (+20%).

Hình 04. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

11 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước



Tính chung 11 tháng, tỉnh đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 2.443 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 20.037 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước, (+10,7%) về số doanh nghiệp nhưng (-19%) về tổng vốn đăng ký bổ sung. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 8,2 tỷ đồng, (-26,9%) so với cùng kỳ năm trước. Cũng trong 11 tháng, có 291 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể (+44,1%) so với cùng kỳ; 1.409 doanh nghiệp tạm dừng hoạt động (+44,5%). Ở chiều ngược lại, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (+22,8%) tương đương với 792 doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp mới thành lập và quay trở lại hoạt động tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước và cao hơn gấp gần 1,9 lần số doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng kinh doanh, cho thấy sự phục hồi tốt hoạt động SXKD. Ngoài ra, có 304 doanh nghiệp chuyển đổi loại hình (+10,9%).

Lũy kế đến 20/11/2022, trên địa bàn tỉnh có 17.930 doanh nghiệp đã đăng ký, giảm 14,5% so với cùng thời điểm năm trước, với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 329.349 tỷ đồng, tăng 3,1% và 4.757 đơn vị trực thuộc, tăng 12,4%.

4. Đầu tư

Sau nhiều tháng triển khai Kế hoạch về đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 của tỉnh Bắc Ninh, bước sang tháng 11/2022 đã phát huy hiệu quả, đó là: Vốn đầu tư ngân sách Nhà nước (VĐTNSNN) tháng 11 đã tăng 9,9% so với tháng trước và đặc biệt tăng rất cao 22,7% so với cùng tháng năm trước, kéo VĐTNSNN 11 tháng năm 2022 tăng lên 7,6%. Về thu hút đầu tư FDI 11 tháng năm 2022, số lượng dự án và vốn đăng ký mới vẫn duy trì thấp và giảm so với cùng kỳ, nhưng do vốn đăng ký điều chỉnh tăng cao nên tổng vốn đăng ký và điều chỉnh vẫn tăng đột biến gấp gần 3 lần so với cùng kỳ năm trước.

4.1. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN do địa phương quản lý

Tháng 11, ước tính VĐTNSNN đạt 718 tỷ đồng, tăng khá (+9,9%) so với tháng trước, đồng thời tăng mạnh (+22,7%) so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Vốn NSNN cấp tỉnh (+5,8%) nhưng (-7,8%); Vốn NSNN cấp huyện tăng ở cả 2 góc so sánh (+10,3%) và (+49,2%); vốn NSNN cấp xã tăng nhiều ở cả 2 góc so sánh (+17,1%) và (+83,5%).

Lũy kế 11 tháng, VĐTNSNN đạt 5.428 tỷ đồng, tăng (+7,6%) so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý đạt 66,3% kế hoạch vốn.

Phân theo cấp quản lý:

+ Vốn NSNN cấp tỉnh, ước đạt 2.536 tỷ đồng, giảm 6,6% so với cùng kỳ năm trước và đạt 70,6% kế hoạch năm, trong đó, vốn cân đối ngân sách tỉnh

đạt 2.340 tỷ đồng, giảm 9,3% và đạt 84,9%; vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 197 tỷ đồng, tăng nhiều (+53,7%) và nhưng đạt thấp 24,3%. Các công trình trọng điểm của nguồn vốn ngân sách tỉnh như: Đường Lý Anh Tông kéo dài, Cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành, TL278 (QL18-QL38); Dự án đầu tư mở rộng Bệnh viện Sản nhi tỉnh Bắc Ninh... và các công trình đề điều phòng chống bão lụt, các trạm bơm phục vụ tưới tiêu như: Trạm bơm Ngọc Trì huyện Lương Tài; Nạo vét kênh tiêu Hiền Lương huyện Quế Võ, xây dựng tuyến kênh mới từ cống Nội Lạc Nhuế- bể hút trạm bơm Vạn An; Cứng hóa kênh tiêu Đồng Khởi thuộc hệ thống thủy nông Nam Đuống...

+ Vốn NSNN cấp huyện, ước đạt 1.764 tỷ đồng, tăng khá 16% và đạt 62,6%, trong đó: Vốn cân đối ngân sách huyện đạt 1.653 tỷ đồng, tăng 20,2% và đạt 62,1%; vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 111 tỷ đồng, giảm 23,8%, đạt 71,1%. Các công trình trọng điểm của vốn ngân sách cấp huyện như: Đầu tư xây dựng các tuyến đường gom để giảm ùn tắc giao thông tại khu vực nút giao QL1A-QL38 thành phố Bắc Ninh giai đoạn I, Nút giao thông phía Tây Nam thành phố Bắc Ninh; Hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Phong Khê thành phố Bắc Ninh; hạ tầng dân cư dịch vụ Bái Uyên; Hồ điều hòa Vân Tương; Hệ thống đèn chiếu sáng đường trục chính huyện Quế Võ.

+ Vốn NSNN cấp xã, ước đạt 1.128 tỷ đồng, tăng 39,6% và đạt 63,5%, trong đó: Vốn cân đối ngân sách xã đạt 1.088 tỷ đồng, tăng 42,8% và đạt 63,3%; vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 40 tỷ đồng, giảm 13,6% và đạt 71,7%. Các công trình trọng điểm của vốn ngân sách cấp xã như: Đường giao thông trục xã Mão Điền; Hạ tầng khu nhà ở số 1 Hạp Linh; Trường Mầm non xã Nguyệt Đức; Đường giao thông xã Phụng Mao ...

4.2. Hoạt động thu hút đầu tư trong nước và trực tiếp nước ngoài

4.2.1. Thu hút đầu tư trong nước

Tính từ đầu năm đến 20/11/2022, toàn tỉnh đã cấp mới đăng ký đầu tư cho 49 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 16.211 tỷ VNĐ; cấp đăng ký đầu tư điều chỉnh cho 104 dự án đầu tư, trong đó có 38 dự án điều chỉnh vốn với tổng số vốn điều chỉnh tăng 1.828 tỷ đồng. *Riêng trong tháng 11*, cấp đăng ký điều chỉnh cho 06 dự án với tổng vốn đầu tư là 1.828 tỷ đồng; cấp điều chỉnh cho 09 dự án đầu tư trong đó có 04 dự án điều chỉnh vốn với tổng số vốn điều chỉnh tăng 1.002 tỷ đồng.

Lũy kế đến đến nay: Tỉnh Bắc Ninh đã cấp 1.542 dự án đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư sau điều chỉnh đạt 252.820 tỷ đồng (trong đó: cấp Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư cho 35

dự án với tổng mức đầu tư 16.522 tỷ đồng; cấp đầu tư cho 21 dự án hạ tầng KCN nguồn vốn trong nước là 35.875 tỷ đồng).

4.2.1. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI

Biểu 07. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép

	Từ 01/01 đến 20/11/2022 (Triệu USD)	So với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	1.939	298,4
Vốn đăng ký mới	319	55,7
Vốn điều chỉnh	1.670	791,5
Góp vốn, mua cổ phần	47	30,6
Thu hồi	97	40,6

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tính từ đầu năm đến 20/11/2022, toàn tỉnh đã thu hút được về số lượng là 124 dự án FDI đăng ký cấp mới (tăng 9 dự án) so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký mới đạt 318,8 triệu USD (giảm 253,6 triệu USD), ngoài ra, điều chỉnh vốn cho 118 dự án (tăng 25 dự án), với số vốn điều chỉnh tăng là 1.670 triệu USD, (tăng 1.458,9 triệu USD); góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp 43 lượt (giảm 30 lượt) với giá trị là 47,49 triệu USD (giảm 108 triệu USD); thu hồi 42 dự án (tăng 1 dự án) với tổng vốn đầu tư là 97,35 triệu USD (giảm 142,7 triệu USD). Riêng trong tháng 11, cấp mới đăng ký đầu tư cho 26 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 141,6 triệu USD (trong đó có 3 dự án lớn đó là: 1 dự án của Singapo đầu tư vào ngành Logistic với số vốn là 41,3 triệu USD và 2 dự án của Trung Quốc đầu tư vào ngành hoạt động kinh doanh bất động sản với số vốn 74,1 triệu USD); điều chỉnh vốn cho 10 dự án với số vốn điều chỉnh tăng là 33,93 triệu USD; 07 lượt ra thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức kinh tế với giá trị là 6,97 triệu USD; Thu hồi 03 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 0,75 triệu USD.

Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 1.799 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký sau điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp đạt 23.182 triệu USD.

5. Thương mại-dịch vụ; Chỉ số giá tiêu dùng; Xuất nhập khẩu

Hiện nay, dịch Covid-19 đang được kiểm soát tốt, kinh tế của tỉnh được phục hồi ổn định, đời sống người dân được cải thiện. Từ mức “đáy” của cùng kỳ năm trước, sức mua của nền kinh tế trong 11 tháng năm 2022 đã bật tăng mạnh mẽ. Đây là cơ sở để doanh nghiệp, ngành hàng trong mảng bán lẻ, tiêu dùng tiếp tục tăng trưởng nóng trong các tháng cuối năm - được xem là “mùa

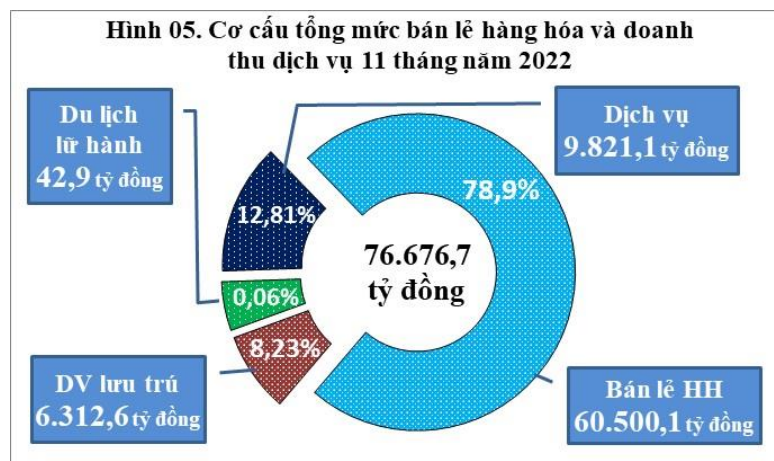
cao điểm” tiêu dùng cuối năm. Tính chung 11 tháng năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tăng cao (+39,9%) so với cùng kỳ năm trước. Giá cả nhóm hàng nhiên liệu, năng lượng có xu hướng tăng, nhóm thực phẩm giữ ổn định. Các mặt hàng thiết yếu, cung cầu giá cả không có biến động bất thường. Hoạt động xuất, nhập khẩu có dấu hiệu chững lại, tuy nhiên cán cân thương mại vẫn duy trì thặng dư

5.1. Lưu chuyển hàng hoá - dịch vụ

Dịch Covid-19 được kiểm soát do đó nhu cầu tiêu thụ hàng hóa dịp cuối năm và Tết Nguyên đán sẽ tăng cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Theo nắm bắt tình hình các ngành chức năng báo cáo, để đáp ứng nhu cầu tiêu thị cuối năm nhiều doanh nghiệp đã lên kế hoạch tích trữ hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu thụ của người dân. Nhiều chương trình xúc tiến thương mại được tổ chức trên địa bàn tỉnh nhằm kích cầu; bên cạnh đó, chương trình bình ổn giá của các cơ sở kinh doanh vẫn đang được duy trì, không xảy ra hiện tượng khan hiếm hàng hóa làm cho hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn tỉnh diễn ra thuận lợi.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 ước đạt 7.544 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+2,4%) và (+27,8%). Cụ thể, phân theo ngành hoạt động: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 6.056,4 tỷ đồng, (+2,2%) và (+31,9%); doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 676,8 tỷ đồng, (+19,8%) và (+29,6%); dịch vụ du lịch và lữ hành đạt 5,4 tỷ đồng, (+1,9%) so tháng trước, (tháng 11/2021 không có doanh thu); doanh thu các ngành dịch vụ ở địa phương đạt 805,4 tỷ đồng, (+2,8%) và (+1,7%).

Tính chung 11 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 76.677 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng nhiều (+39,9%). Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 60.500 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng nhiều nhất 78,9%



trong tổng mức, tăng 40,6%; tiếp theo doanh thu các ngành dịch vụ đạt 9.821 tỷ đồng, chiếm 12,81%, tăng 43,4%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 6.313 tỷ đồng, chiếm 8,23% tăng 28,7%; còn lại ngành du lịch lữ hành doanh thu đạt 43 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng nhỏ nhất 0,06% nhưng có mức tăng đột biến gấp gần

13 lần do nhu cầu tham quan, du lịch của người dân tăng cao (cùng kỳ năm trước bị ảnh hưởng của dịch Covid-19).

Nhìn chung, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 11 tháng năm 2022 có quy mô và tốc độ tăng cao hơn so với cùng kỳ nhiều năm trở lại đây và tăng cao hơn cả so với thời điểm trước dịch bệnh, 11 tháng năm 2022 tăng 39,9%; (11 tháng năm 2019 - năm trước khi xảy ra dịch Covid-19 tăng 12,3%; trong khi 11 tháng năm 2020 và 2021, là các năm xảy ra dịch bệnh giảm lần lượt là 5,8% và 0,5% so với cùng kỳ năm trước). Giá cả hàng hóa ổn định kích thích tiêu dùng tăng trở lại. Bên cạnh đó, việc làm và thu nhập của người dân tăng lên, thị trường du lịch mở cửa trở lại, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa không thiết yếu gia tăng đã góp phần gia tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ.

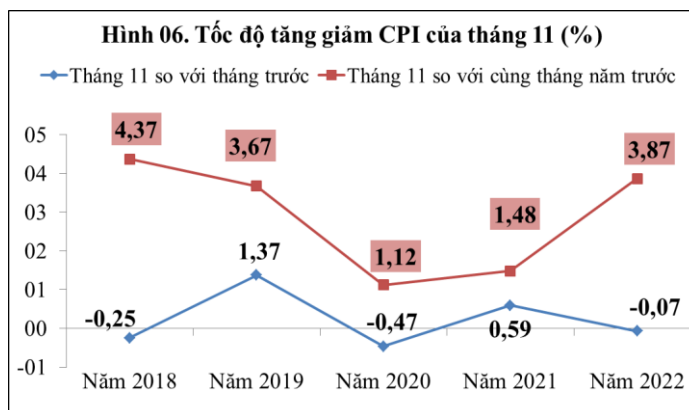
5.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Để chủ động ứng phó với những thách thức trước áp lực lạm phát gia tăng, trong thời gian qua Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt và thực hiện đồng bộ các giải pháp bình ổn giá, hạn chế những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội. Cùng với đó, thực hiện tốt chỉ đạo của Trung ương, tỉnh Bắc Ninh tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường các biện pháp quản lý, điều hành giá. Do đó giá cả hàng hóa không có biến động nhiều. Giá vàng tăng trở lại, có thời điểm đạt đỉnh trong vòng 3 tháng qua. Giá đô la Mỹ hiện cũng đạt ngưỡng cao.

a) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Tháng 11: CPI giảm nhẹ (-0,07%) so với tháng trước, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 3/11 nhóm hàng có chỉ số giá giảm, đó là: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,86%) chủ yếu do giá thực phẩm giảm (-1,45%), cụ thể: Thịt lợn (-4,09%);

thịt gia cầm (-0,46%) do nguồn cung dồi dào trong khi nhu cầu tiêu dùng vẫn ổn định; Thịt chế biến (-0,65%); trứng (-0,07%); Dầu mỡ và chất béo khác (-0,6%); thủy hải sản tươi sống (-0,3%); thủy hải sản chế biến (-0,5%); rau tươi, khô và chế biến (-6,29%) giá rau giảm nhiều do các loại rau vụ đông đã vào chính vụ. Tiếp theo nhóm đồ uống và thuốc lá (-0,4%) do thời tiết chuyển mùa nên nhu cầu về rượu bia (-0,63%). Tiếp đến nhóm Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (-0,13%) do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở (-0,47%) trong đó: Giá sắt thép xây dựng tiếp tục giảm do nhu cầu thị trường và giá nhập nguyên liệu đầu vào,

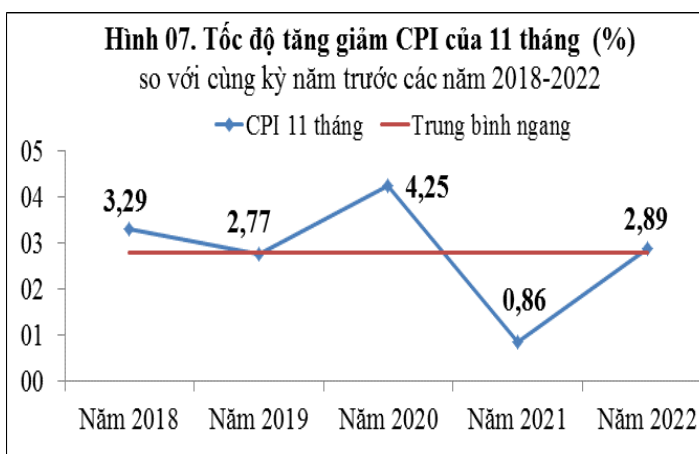


phôi thép giảm. Cộng thêm do doanh thu tiêu thụ điện trong tháng giảm bởi thời tiết bắt đầu chuyển lạnh, sản lượng giảm kéo theo chỉ số giá điện sinh hoạt giảm 1,71%. Ở chiều ngược lại, có 7/11 nhóm hàng có chỉ số tăng góp phần làm cho CPI giảm chậm hơn, cụ thể: Hàng may mặc, mũ nón, giày dép (+0,64%) do thời tiết chuyển mùa, giá quần áo may sẵn các loại (+0,89%); Thiết bị, đồ dùng gia đình (+0,21%) do nhu cầu tiêu dùng và giá nhập thiết bị đồ dùng trong nhà đều tăng; Giao thông (+1,29%) do giá xăng dầu được điều chỉnh tăng 02 lần vào ngày 01/11, 11/11 và giảm 01 lần vào ngày 21/11, tính chung nhóm nhiên liệu (+5,59%) trong đó, xăng (+5,8%), dầu diesel (+5,26%); Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,45%); các nhóm khác gồm hàng hóa và dịch vụ khác, giáo dục, thuốc và dịch vụ y tế có mức tăng nhẹ lần lượt là (+0,05%; +0,03% và +0,01%). Còn lại nhóm bưu chính viễn thông ổn định, giá không biến động so với tháng trước.

So với cùng tháng năm trước, CPI tăng khá cao (+3,87%), trong đó có đến 10/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số tăng, các nhóm hàng có mức tăng cao là: Giáo dục (+8,32%) do giá dịch vụ giáo dục các cấp (+8,66%); văn hóa, giải trí và du lịch (+6%) do giá sách các loại (+6,17%) và giá dịch vụ thuê chỗ chơi thể thao (+11,48%); hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+5,89%) do các mặt hàng lương thực, thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình đều đồng loạt tăng giá; Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+3,71%) do giá thuê nhà ở, vật liệu sửa chữa nhà ở và dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng giá. Ở chiều ngược lại, chỉ có 1 nhóm hàng bưu chính viễn thông giảm nhẹ (-0,06%).

So với tháng 12/2021, CPI tăng khá cao (+3,97%), chỉ có 01 nhóm hàng có chỉ số giá giảm là nhóm bưu chính viễn thông (-0,06%); còn lại có tới 10/11 nhóm hàng đều tăng giá, trong đó các một số nhóm có chỉ số giá tăng cao đó là: Giáo dục (+8,32%); hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+6,18%) và văn hóa, giải trí và du lịch (+5,83%).

Bình quân 11 tháng năm 2022, CPI tăng 2,89% so với cùng kỳ năm trước, 100% nhóm hàng hóa dịch vụ đều có chỉ số giá tăng, trong đó tăng cao nhất là nhóm giao thông (+10,63%); tiếp đến là nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+4,77%); nhóm giáo dục (+3,92%); Văn hóa, giải trí và du lịch (+3,7%).



b) Chỉ số giá vàng và đôla Mỹ

Trong tháng 11, giá vàng trên thế giới đã phục hồi và tăng trở lại do lạm phát Mỹ tháng 10 đã hạ nhiệt, kéo kỳ vọng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) trong việc nâng lãi suất. Trên địa bàn tỉnh, biến động chung theo xu hướng biến động của giá vàng trong nước và thế giới, tính chung giá vàng bình quân bán ra ở mức 5.250.000đ/chỉ, so với tháng trước tăng 2,04%, đồng thời tăng 0,96% so với cùng tháng năm trước và tăng 1,29% so với tháng 12/2021. Tính chung 11 tháng, giá vàng tăng 2,13% so với cùng kỳ năm trước.

Do nhu cầu đối với đồng tiền trú ẩn an toàn đã kéo đồng bạc xanh USD tăng giá đáng kể. Giá bán USD bình quân trong tháng phổ biến ở mức 24.871 VND/USD. Tháng 11/2022, giá đô-la Mỹ (+3,14%) so với tháng trước, (+9,1%) so với cùng tháng năm trước và (+8,26%) so với tháng 12 năm trước. Bình quân 11 tháng năm 2022, giá đô la Mỹ tiếp tục tăng 1,69% so với cùng kỳ năm trước.

5.3. Xuất, nhập khẩu hàng hóa (Sơ bộ đến hết tháng 10/2022 trích dẫn theo nguồn báo cáo của Tổng cục Hải Quan, không có nguồn số liệu ước tính tháng 11)

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa: Tháng 10, ước tính đạt 7,48 tỷ USD, giảm 1,3% so với tháng trước và giảm 8,6% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 10 tháng, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 71,87 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước tăng 6,8%.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 10, đạt khoảng 4,37 tỷ USD, tăng 4,8% so với tháng trước nhưng giảm 6,4% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 10 tháng, kim ngạch xuất khẩu đạt 38,73 tỷ USD, so với cùng kỳ năm trước tăng 6,6%.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 10, ước tính đạt 3,11 tỷ USD, giảm 6,1% so với tháng trước và giảm 8,8% so với cùng tháng năm trước. Tính chung 10 tháng, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 33,14 tỷ USD so với cùng kỳ tăng 7,1%.

Cán cân thương mại hàng hóa: Tháng 10/2022, do xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu, nên đã xuất siêu 1,26 tỷ USD, bằng 28,9% kim ngạch xuất khẩu. Tính chung 10 tháng, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 5,59 tỷ USD, bằng 14,9% kim ngạch xuất khẩu.

6. Giao thông vận tải

Tháng 11, hoạt động vận tải tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng tích cực ở các lĩnh vực, đặc biệt sản lượng vận tải hành khách tăng rất cao (+39,8%) so với cùng tháng năm trước, thời điểm này các doanh nghiệp đi vào hoạt động

ổn định, xuất nhập khẩu khởi sắc nên nhu cầu vận tải hàng hóa trên địa bàn tỉnh cũng tăng khá cao (+19,1%), dịch vụ hỗ trợ vận tải từng bước phát triển cả về chất lượng và quy mô đạt mức tăng (+4,2%). Điểm sáng của hoạt động giao thông vận tải trong 11 tháng năm 2022 chính là sự phục hồi nhanh chóng của sản lượng vận tải hành khách và hàng hóa, cùng với dịch vụ hỗ trợ vận tải.

6.1. Sản lượng vận tải

6.1.1. Vận tải hành khách

Trong tháng, khối lượng vận chuyển ước đạt 1.392 nghìn lượt khách, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+0,6%) và (+39,8%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 51,4 triệu lượt khách.km, (+1,5%) và (+19,1%). Xét theo ngành: *Vận tải hành khách đường bộ*, khối lượng vận chuyển ước đạt 1.380 nghìn lượt khách, (+0,6%) và (+41,4%); khối lượng luân chuyển ước đạt 51,4 triệu lượt khách.km, (+1,5%) và (+19,2%); *Vận tải hành khách đường thủy*, khối lượng vận chuyển ước đạt 12 nghìn lượt khách, (+2,4%) nhưng (-37,6%), khối lượng luân chuyển ước đạt 0,01 triệu lượt khách.km, (+3,2%) nhưng (-24,8%).

Tính chung 11 tháng, khối lượng vận chuyển ước đạt 11.471 nghìn lượt khách, so với cùng kỳ năm trước (+23,5%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 425,9 triệu lượt khách.km, (-2%). Xét theo ngành: *Vận tải hành khách đường bộ*, khối lượng vận chuyển ước đạt 11.288 nghìn lượt khách, (+27,6%); khối lượng luân chuyển ước đạt 425,7 triệu lượt khách.km, (-1,9%); *Vận tải hành khách đường thủy*, khối lượng vận chuyển ước đạt 183,1 nghìn lượt khách, (-58,8%); khối lượng luân chuyển ước đạt 0,2 triệu lượt khách.km, (-50%). Nhìn vào số liệu trên có thể thấy, sản lượng vận tải hành khách trong 11 tháng đầu năm 2022, chỉ có ngành vận tải đường bộ tăng, ngành vận tải đường thủy vẫn bị giảm so với cùng kỳ năm trước.

**Biểu 08. Vận tải hành khách 11 tháng năm 2022
phân theo ngành vận tải**

	Số lượt hành khách		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Nghìn HK)	Luân chuyển (Triệu HK.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	11.470,9	425,9	+23,5	-2,0
Đường bộ	11.287,8	425,7	+27,6	-1,9
Đường thủy	183,1	0,2	-58,8	-50,0

6.1.2. Vận tải hàng hoá

Tháng 11, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 3,9 triệu tấn, tăng ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+2,5%) và (+15,8%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 208 triệu tấn.km, (+4,1%) và (+12%). Xét theo ngành: *Vận tải hàng hóa đường bộ*, khối lượng vận chuyển ước đạt 2,9 triệu tấn, (+1%) và (+20,1%); khối lượng luân chuyển ước đạt 79,8 triệu tấn.km, (+1,1%) và (+13,4%); *Vận tải hàng hóa đường thủy*, khối lượng vận chuyển ước đạt 1 triệu tấn, (+6,9%) và (+4,7%), khối lượng luân chuyển ước đạt 128,2 triệu tấn.km, (+6,1%) và (+11%).

Tính chung 11 tháng, khối lượng vận chuyển ước đạt 39,2 triệu tấn, so với cùng kỳ năm trước, (+24,3%); khối lượng luân chuyển tương ứng ước đạt 2.086,9 triệu tấn.km, (+25,5%).

Mặc dù, vận tải hành khách có nhiều khởi sắc nhưng sản lượng vận chuyển và luân 11 tháng năm nay vẫn chưa bằng sản lượng vận chuyển và luân chuyển so với cùng kỳ năm 2019, năm chưa có dịch Covid-19.

Biểu 09. Vận tải hàng hóa 11 tháng năm 2022
phân theo ngành vận tải

	Sản lượng hàng hóa		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu tấn)	Luân chuyển (Triệu tấn.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	39,2	2.086,9	24,3	25,5
Đường bộ	29,2	800,3	23,8	16,5
Đường thủy	10,0	1.286,6	25,5	31,3

6.2. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Trong tháng, doanh thu vận tải hành khách và hàng hóa vẫn tăng nhẹ so với tháng trước nhưng doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải lại có xu hướng giảm do hoạt động xuất nhập khẩu trong tháng giảm. Ước tính tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 918 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-0,9%) nhưng (+15,8%). Xét theo ngành vận tải: Vận tải hành khách ước đạt 72 tỷ đồng, (+0,4%) và (+30,4%); vận tải hàng hóa ước đạt 352 tỷ đồng, (+4,1%) và (+33,7%); dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 494 tỷ đồng, (-4,3%) nhưng (+4,2%); xét theo loại hình kinh tế: khu vực Nhà nước ước đạt 17 tỷ đồng, (-0,6%) nhưng (+26,7%); khu vực ngoài nhà nước ước đạt 462 tỷ đồng, (+2,8%) và (+32,8%); khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 439 tỷ đồng, (-4,4%) nhưng (+1,8%).

Tính chung 11 tháng, ước tính doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 9.083 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước (+30,9%). Xét theo loại hình kinh tế: Doanh nghiệp ngoài Nhà nước đạt 4.163 tỷ đồng, (+28,7%); doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 4.735 tỷ đồng, (+34,3%); doanh nghiệp Nhà nước ước đạt 185 tỷ đồng, (+5,1%). Xét theo ngành vận tải: Ngành dịch vụ hỗ trợ vận tải có mức tăng cao nhất (+34,5%); tiếp theo là ngành vận tải hàng hóa (+28,2%); ngành vận tải hành khách (+17,7%).

7. Thu, chi ngân sách Nhà nước (NSNN)

Tháng 11, thu NSNN tiếp tục xu hướng giảm so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 11 tháng năm 2022 đạt tiến độ thu NSNN so với dự toán năm nhưng giảm so với cùng kỳ năm trước. Đáng kể, khoản thu từ DN có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là khoản thu trọng điểm chiếm tỷ trọng lớn nhất 34,3% đã “cán đích” vượt 3,4% dự toán năm nhưng vẫn giảm 2,7%, tiếp đến nguồn thu thuế thu nhập cá nhân lớn thứ 3 vượt khá nhiều 12,7% dự toán năm đồng thời tăng cao 21,3%. Tuy nhiên, thu ngân sách Nhà nước vẫn bị giảm 8,4% so với cùng kỳ năm trước; Chi ngân sách địa phương trong tháng 11, tiếp tục xu hướng tăng lên so với cùng tháng năm trước nhưng mức tăng không nhiều. Lũy kế 11 tháng năm 2022 không đạt tiến độ theo dự toán năm và giảm so với cùng kỳ, do chi đầu tư phát triển đạt thấp bằng 85,4% dự toán năm và giảm nhiều (-32,3%) so với cùng kỳ năm trước.

Hình 08. Thu, chi ngân sách Nhà nước 11 tháng năm 2022



Nguồn: Sở Tài chính

7.1. Thu ngân sách Nhà nước

Tháng 11, tổng thu NSNN giảm nhiều so với tháng trước do đa số các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ chức, cá nhân đã nộp các loại thuế được gia hạn thời hạn nộp vào tháng 10/2022. Cụ thể, tổng thu NSNN đạt 1.669 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-68,5%) và (-19,8%), trong đó: Thu nội địa đạt 1.068 tỷ đồng (-77,4%) và (-31,3%); thu từ hải quan đạt 600 tỷ đồng (+3,9%) và (+14,1%).

Tính chung 11 tháng, tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 28.267 tỷ đồng, bằng 92,5% dự toán năm 2022, giảm 8,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Thu nội địa đạt 21.223 tỷ đồng, bằng 91,2% và (-10,7%); thu từ hải quan đạt 7.028 tỷ đồng, bằng 96,3% và (-0,6%). Kết quả thu NSNN trên địa bàn tỉnh tuy giảm so với cùng kỳ nhưng đã tiến đến gần sát với tiến độ dự toán đề ra. Trong thu nội địa, có một số khoản thu vượt dự toán năm và có tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước là: Thu thuế thu nhập cá nhân đạt 3.607 tỷ đồng, tương ứng tăng là (+12,7%) và (+21,3%); thu lệ phí trước bạ (+10,7%) và (+17,5%); thu phí, lệ phí (+8,8%) và (+14,9%) và có một số khoản thu vượt dự toán năm nhưng giảm so với cùng kỳ là: Thu từ DNNN Trung ương (+2,8%) nhưng (-51,4%) nguyên nhân giảm so với cùng kỳ năm trước do một số doanh nghiệp đã được cổ phần hóa; Thu từ DN có vốn ĐTTNN (+3,4%) nhưng (-2,7%). Có hai khoản thu đạt tiến độ thấp so với kế hoạch năm là: Thu tiền sử dụng đất, đạt 31,2% dự toán năm và giảm (-68%) so với cùng kỳ năm trước; tiếp theo là khoản thu thuế bảo vệ môi trường, đạt 53,9% và (-35,6%).

Kết quả thu NSNN như ở trên được đánh giá là khả quan và thể hiện sự nỗ lực cao của các cấp chính quyền, ngành chức năng trong 11 tháng năm 2022 các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như cả nước vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn như: Dịch Covid-19 gia tăng trên thế giới với nhiều biến thể mới; tác động từ cuộc xung đột quân sự giữa Nga - Ukraine; giá các hàng hóa thiết yếu trên thị trường thế giới tăng cao, gây nguy cơ khủng hoảng an ninh năng lượng, lương thực, tạo áp lực lớn đến lạm phát toàn cầu; sự phục hồi kinh tế chậm ở các nước có đối tác thương mại lớn...

7.2. Chi ngân sách địa phương

Tháng 11, tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 1.196 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+0,5%) và (+8,8%), trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 500 tỷ đồng, (-8%) nhưng (+17,8%); chi thường xuyên ước đạt 696 tỷ đồng (+7,7%) và (+2,7%).

Tính chung 11 tháng, tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 12.708 tỷ đồng, bằng 67,6% dự toán năm 2022 và (-16,9%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: chi đầu tư phát triển đạt 5.597 tỷ đồng, bằng 85,4%, (-32,3%); chi thường xuyên đạt 7.106 tỷ đồng bằng 66,7% và (+7,7%). Các nhiệm vụ chi ngân sách Nhà nước trong 11 tháng đầu năm vẫn được thực hiện theo dự toán, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước và đảm bảo kinh phí phòng, chống dịch và đặc biệt là các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp

xã hội từ NSNN. Trong chi thường xuyên có một số khoản chi có mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Chi đảm bảo xã hội vượt dự toán năm (+31%) và (+83,9%) so với cùng kỳ năm trước; chi văn hóa thông tin bằng 66,2% và (+56,6%); chi thể dục thể thao bằng 65,9% và (+33,7%), ...

8. Ngân hàng - Tín dụng

Ngành ngân hàng (NH) và hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) tiếp tục có tốc độ tăng trưởng ấn tượng. Hoạt động ngân hàng tiếp tục đảm bảo an toàn, ổn định, liên tục, góp phần kiềm chế lạm phát, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội địa phương. Tính đến ngày 30/11/2022, tổng dư nợ tín dụng ước tính tăng 18,3% so với thời điểm cuối năm 2021 và tăng cao (+22,6%) so với cùng thời điểm năm 2021. Nợ xấu giảm đáng kể (-7,9%) so với thời điểm cuối năm 2021 và giảm tới 55,4% so với cùng thời điểm năm 2021; tỷ lệ nợ xấu cũng giảm xuống còn 0,78%.

Trên địa bàn, thực hiện chỉ đạo của NHNN, các chi nhánh NH đồng loạt tăng lãi suất huy động, trong đó một số NH TMCP ngoài nhà nước có mức tăng mạnh (Techcombank, VPBank, Việt Á). So với thời điểm 31/12/2021, mức lãi suất huy động phổ biến tại 09/11/2022 của các đơn vị như sau: 0,2-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng (tăng 0,4-0,8%/năm), 5,4-6%/năm đối với kỳ hạn 1 đến dưới 6 tháng (tăng 1,2-3%/năm), 6-7,8%/năm đối với kỳ hạn 6 đến dưới 12 tháng (tăng 0,5-3,8%/năm), và 7,4-trên 8%/năm đối với kỳ hạn từ 12 tháng (tăng 0,6-3,5%/năm).

NHNN chi nhánh tỉnh Bắc Ninh tiếp tục chủ động làm tốt công tác tham mưu với UBND tỉnh, tích cực triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các cơ chế chính sách của Nhà nước, các giải pháp chỉ đạo, điều hành của NHNN và của tỉnh đến các Chi nhánh NH, QTDND, đơn vị có liên quan trên địa bàn. Các NH, TCTD trên địa bàn chủ động, tích cực triển khai các giải pháp nhằm thu hút nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế. *Ước tính đến cuối tháng 11, tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn đạt 215.500 tỷ đồng, (+1,2%) so với tháng trước, đồng thời (+12,1%) so với cùng tháng năm trước và (+12,2%) so với thời điểm cuối năm 2021, trong đó: Tiền gửi cá nhân đạt 94.310 tỷ đồng, (-0,6%), (-3%) và (-2,7%); tiền gửi của các tổ chức đạt 115.300 tỷ đồng, (+3,5%), (+28,5%) và (+29%); nguồn vốn huy động khác đạt 3.000 tỷ đồng, (-20,6%), (-5,8%) và (-13,4%); phát hành giấy tờ có giá đạt 2.890 tỷ đồng (+1,4%), (+36,1%) và (+25,5%).*

Các chi nhánh NH, TCTD trên địa bàn triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thống đốc NHNN, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của ngành theo

mục tiêu đã đề ra tại Chỉ thị 01/CT-NHNN, đáp ứng kịp thời, đầy đủ vốn cho doanh nghiệp, người dân, tín dụng tập trung cho hoạt động sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, của tỉnh. Theo đó, dư nợ cho vay trên địa bàn tăng trưởng tốt, đặc biệt trong những tháng đầu năm. Để phù hợp với diễn biến của nền kinh tế vĩ mô khi chịu ảnh hưởng bởi áp lực lạm phát, cũng như mục tiêu của chính sách tiền tệ, đảm bảo không xảy ra tăng trưởng “nóng”, nên càng về những tháng cuối năm 2022, tín dụng trên địa bàn có xu hướng tăng trưởng chậm lại. *Tính đến cuối tháng 11/2022*, tổng dư nợ cho vay trên địa bàn tỉnh đạt 145.700 tỷ đồng, (+0,9%) so với tháng trước, (+22,6%) so với cùng tháng năm trước và (+18,3%) so với thời điểm cuối năm 2021, trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 99.700 tỷ đồng, (+0,8%), (+22,8%) và (+20,6%); dư nợ cho vay trung, dài hạn đạt 46.000 tỷ đồng, (+1%), (+10,9%) và (+13,4%). Cơ cấu tín dụng duy trì theo hướng tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là những lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, của NHNN, hỗ trợ tích cực DN và người dân, phù hợp với cơ cấu kinh tế của tỉnh, tỷ trọng dư nợ các lĩnh vực Nông nghiệp - Công nghiệp xây dựng - Thương mại dịch vụ tương ứng là 5,2%-33,8%-61%.

Về chất lượng tín dụng: Các chi nhánh NH, TCTD trên địa bàn tiếp tục tập trung thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của NHNN Việt Nam và của Hội sở chính trong triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm xử lý, thu hồi, cũng như ngăn ngừa rủi ro nợ xấu. Ước tính đến cuối tháng 11, nợ xấu trên địa bàn là 1.130 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,78% tổng dư nợ cho vay.

9. Một số vấn đề xã hội

9.1. Lao động, giải quyết việc làm, an sinh xã hội

Lao động và giải quyết việc làm:

Tổ chức tốt mạng lưới dịch vụ cung ứng lao động, giao dịch, giới thiệu việc làm. Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tổ chức thăm hỏi, tặng quà, hỗ trợ, chăm lo các đối tượng người có công, người cao tuổi, hộ nghèo, bảo trợ xã hội và đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Đẩy nhanh tiến độ hỗ trợ về nhà ở cho công nhân, hộ nghèo, hộ người có công với cách mạng.

Tích cực triển khai Kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 15/4/2022 về thực hiện Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động. Đến hết ngày 31/8/2022, tỉnh đã hoàn thành 100% kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động; tổng số lao động đủ điều kiện được phê duyệt 163.619 lao động; kinh phí đã giải ngân hỗ trợ trên 199 tỷ đồng. Kết quả

trên đã góp phần khắc phục được tình trạng thiếu hụt lao động, xây dựng thị trường lao động trên địa bàn tỉnh ổn định đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội được đảm bảo; hướng dẫn các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện quy định mới về chính sách trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Đẩy nhanh thực hiện rà soát và cho vay tới các đối tượng thuộc chính sách cho vay giải quyết việc làm; cho vay nhà ở xã hội, cho vay học sinh sinh viên mua máy tính, thiết bị học trực tuyến; cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập... Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em; kế hoạch hành động phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em. Đẩy mạnh các hoạt động, công tác phòng chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

9.2. Hoạt động y tế, phòng, chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Trong tháng 11, ngành y tế xây dựng Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh đầu mùa khi ở người trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2022 để chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch, phát hiện sớm các ca mắc đầu tiên, khoanh vùng, xử lý, ngăn chặn không để dịch bùng phát, lây lan, không để dịch chôn dịch. Chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, các ổ dịch và vùng nguy cơ cao, giám sát ca bệnh, người đi, đến từ ổ dịch và người bệnh có biểu hiện, triệu chứng nghi mắc để phát hiện sớm và xử lý kịp thời, triệt để, không để dịch bệnh bùng phát; chỉ đạo các đơn vị y tế trong ngành, các bệnh viện ngoài công lập, phòng y tế các huyện, thành phố tăng cường công tác phòng, chống dịch cúm A (H5) trên người; giám sát chặt chẽ nhằm phát hiện sớm các ổ dịch đại trên người, triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống bệnh dại; chỉ đạo Trung tâm Y tế thành phố Từ Sơn, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật triển khai xử lý ổ dịch sốt xuất huyết tại phường Tân Hồng, thành phố Từ Sơn; báo cáo tình hình tiếp nhận, quản lý, sử dụng thuốc kháng vi rút điều trị Covid-19-Molnupiravir trong chương trình sử dụng thuốc có kiểm soát trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (tổng số tiếp nhận và sử dụng là 120.000 viên); tiếp tục thực hiện nghiêm công tác thống kê, báo cáo bệnh truyền nhiễm theo quy định tại Thông tư số 54/TT-BYT ngày 28/12/2015 của Bộ Y tế; đảm bảo công tác y tế, phòng chống dịch trong thời gian diễn ra Chương trình hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh trên thuyền số 03 năm 2022.

Công tác giám sát các bệnh truyền nhiễm gây dịch, đặc biệt là các dịch, bệnh mới được quan tâm triển khai thực hiện. Trong tháng đã ghi nhận 221

trường hợp sốt xuất huyết Dengue, 28 trường hợp mắc tay chân miệng, 649 trường hợp mắc cúm mùa, 96 trường hợp mắc bệnh do vi rút Adeno, 01 trường hợp mắc bệnh dại (tại xã Trung Chính, huyện Lương Tài).

- Công tác tiêm chủng:

+ Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng để trẻ được tiêm chủng đầy đủ, đúng quy định, đúng kế hoạch đã đề ra. Đảm bảo trẻ em dưới 1 tuổi và phụ nữ có thai trên địa bàn tỉnh được tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, đạt tỉ lệ tiêm chủng các mũi vắc xin MR, DPT, viêm não Nhật Bản, Uốn ván cho phụ nữ có thai (Tổng số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ trong kỳ 1.259 trẻ; số phụ nữ mang thai được tiêm đủ mũi uốn ván là 1.515 người)

+ Tính đến hết ngày 14/11/2022 toàn tỉnh đã triển khai tiêm 4.446.995 liều vắc xin Covid-19 cho các đối tượng người dân trên 18 tuổi, trẻ từ 5-17 tuổi, công nhân trong và ngoài khu công nghiệp (bao gồm cả những người đang cư trú trên địa bàn và không cư trú trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh). Cụ thể: Số người từ 18 tuổi được tiêm đủ 2 mũi cơ bản là 1.152.435 liều, đạt tỷ lệ 98,9%; mũi 3 là 835.050 người đạt tỷ lệ 78,8%; mũi 4 là 340.955 người đạt tỷ lệ 82,8%; Số người từ 12 đến 17 tuổi được tiêm đủ 2 mũi cơ bản là 115.738 người, đạt tỷ lệ 98,4%; mũi 3 là 98.813 người đạt tỷ lệ 86,9%; Số trẻ từ 5 đến 11 tuổi tiêm ít nhất 1 mũi là 171.648 trẻ, đạt tỷ lệ 99,9%; số trẻ tiêm 2 mũi là 155.523 trẻ, đạt tỷ lệ 91,0%.

+ Tính đến ngày 14/11/2022 số mũi tiêm đã được ký số xác nhận để cấp hộ chiếu vắc xin trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là 4.432.372 mũi tiêm.

- Công tác phòng chống HIV/AIDS:

+ Tiếp tục duy trì hoạt động các điểm tư vấn, xét nghiệm tự nguyện, trong tháng đã thực hiện tư vấn xét nghiệm HIV cho 2.375 người, trong đó số phụ nữ mang thai được tư vấn, xét nghiệm sàng lọc HIV là 933.

+ Trong tháng, phát hiện 01 trường hợp HIV mới tại thành phố Từ Sơn. Tổng số người nhiễm HIV/AIDS hiện quản lý được trên địa bàn là 896 người; Số người nhiễm HIV có thể BHYT là 820 người (91,5%); Số mắc AIDS là 46 người, số được quản lý là 16 người.

- Công tác Dân số - KHHGD và bảo vệ sức khỏe bà mẹ - trẻ em:

+ Tính đến hết tháng 10, tổng số trẻ sinh ra là 11.331 trẻ (giảm 2.599 trẻ so với cùng kỳ), trong đó có 6.233 trẻ sinh ra là nam, 5.098 trẻ sinh ra là nữ, 3.237 trẻ sinh là con thứ 3 trở lên.

+ Tỷ lệ sàng lọc trước sinh: 86,0%; Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh: 82,0%.

+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai: 99,9%; Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 4 lần/3 kỳ đạt 97,6%; Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong tuần đầu sau sinh đạt 64%. Tỷ lệ trẻ sơ sinh có cân nặng dưới 2.500gram: 4,2%.

- *Tình hình hoạt động khám chữa bệnh y tế công lập*: Tình hình hoạt động khám chữa bệnh y tế công lập trong tháng như sau: Tổng số lượt khám bệnh, chữa bệnh: 185.272 lượt (cao hơn 3.538 lượt so với tháng trước), trong đó số lượt khám chữa bệnh tại Trạm Y tế 39.152 lượt; Điều trị nội trú 19.163 lượt; Chuyển tuyến nội trú: 466 lượt; Chuyển tuyến ngoại trú: 3.674 lượt; Tổng số ca phẫu thuật: 1.933 ca, phẫu thuật có chuẩn bị: 1.013 ca

- *Công tác an toàn thực phẩm*:

Trong tháng không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Ngành chức năng đã tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đã tiến hành kiểm tra: 241 cơ sở SXKD thực phẩm, trong đó có 213 cơ sở đạt yêu cầu (chiếm 88,4%), không đạt yêu cầu 28 cơ sở (chiếm 11,6%).

9.3. Giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ

Giáo dục và đào tạo: Trong tháng, ngành giáo dục tiếp tục triển khai kế hoạch năm học. Đến nay, cơ bản tất cả các trường phổ thông đã hoàn thành việc kiểm tra, đánh giá kiến thức học sinh thời điểm giữa học kỳ 1 của năm học. Do công tác chuẩn bị các điều kiện cho kiểm tra giữa học kỳ 1 được thực hiện tốt nên kỳ thi diễn ra đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đạt kết quả tốt. Đồng thời tích cực tuyên truyền và tổ chức tốt các hoạt động thi đua lập thành tích chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam; tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp năm học 2022 - 2023; tổ chức liên hoan tiếng hát cán bộ, giáo viên và người lao động ngành Giáo dục tỉnh Bắc Ninh năm 2022; tham mưu tổ chức các hoạt động tri ân, chúc mừng các nhà giáo lão thành và các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; phối hợp tổ chức các hoạt động tri ân, thăm hỏi, động viên đối với cán bộ, nhà giáo có hoàn cảnh khó khăn...

Hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN): Tháng 11/2022, đã được triển khai bảo đảm kế hoạch. Các đề tài, dự án KH&CN đang được triển khai đúng tiến độ. Hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN tiếp tục được duy trì cập nhật thường xuyên nhằm tuyên truyền, phổ biến các thành tựu về KH&CN phục vụ sản xuất và đời sống (trong tháng đã thẩm định công nghệ đối với 01 dự án; cấp 01 giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ, 06 giấy phép sử dụng thiết bị X-quang y tế, 04 chứng chỉ cho nhân viên bức xạ; tư vấn, hướng dẫn 08 đơn vị lập hồ sơ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa và kiểu dáng công nghiệp; tiếp nhận và giải quyết 79 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà

nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu; kiểm định hiệu chuẩn 247 phương tiện đo các loại; kiểm nghiệm, thử nghiệm 93 mẫu sản phẩm hàng hóa...)

9.4. Văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình

a) Hoạt động văn hóa

- Trong tháng ngành chức năng đã thực hiện tốt các hoạt động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị thường xuyên và đột xuất, với nhiều hình thức: Tổ chức 35 buổi tuyên truyền lưu động chuyên đề về An toàn giao thông tại các trường học trên địa bàn tỉnh; 52 buổi chiếu phim lưu động phục vụ nhiệm vụ chính trị; tham mưu ban hành Kế hoạch, Thử lệ Hội thi Tuyên truyền lưu động tỉnh Bắc Ninh lần thứ XII năm 2022; triển khai các nội dung liên quan đến công tác hướng dẫn thí điểm mô hình tổ chức hoạt động “Nhà văn hóa khu dân cư kiểu mẫu”; phối hợp tổ chức chương trình giao lưu trong khuôn khổ Liên hoan Phim Quốc tế Hà Nội lần thứ VI và phối hợp với Lotte Cinema chiếu phim phục vụ nhân dân. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm Ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10), Ngày Pháp luật nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (9/11); tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Nhà hát quan họ tỉnh, đã tổ chức thành công 08 buổi biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị, đặc biệt đã tổ chức thành công Chương trình hát Dân ca Quan họ trên thuyền số 03 tại hồ Nguyễn Phi Yến phục vụ nhân dân và chào mừng thành công Hội nghị Văn hoá tỉnh Bắc Ninh năm 2022; luyện tập chương trình nghệ thuật mới “Trương Chi”.

- Thư viện tỉnh, phát hành thư mục chuyên đề “Toàn cảnh cuộc chiến phòng, chống dịch Covid-19 tại tỉnh Bắc Ninh” với 432 biểu ghi và “Cách mạng tháng 10 Nga: Ánh sáng của tự do và chiến thắng” với số lượng 04 ảnh, 10 bài viết, 29 sách; thực hiện tốt công tác phục vụ bạn đọc¹; cập nhật giới thiệu sách mới trên Website Thư viện: 45 tên; tổ chức tổng kết trao giải Đại sứ Văn hóa đọc tỉnh Bắc Ninh lần thứ II, năm 2022 (02 giải Đại sứ Văn hóa đọc; 02 giải Nhất; 07 giải Nhì; 11 giải Ba; 25 giải Khuyến khích; 09 giải Chuyên đề và 03 giải tập thể); tổ chức Hội thảo khoa học “Xác định nhu cầu, đề xuất giải pháp chuyển đổi số trong hệ thống thư viện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

- Bảo tàng tỉnh, trong tháng đã đón tiếp 3.332 lượt khách thăm quan tại Bảo tàng; sưu tầm được 13 hiện vật; hoàn thiện kế hoạch, lập dự toán hiện vật mua đổi năm 2022; lập danh mục 200 hiện vật tiêu biểu và danh mục tài liệu hiện vật liên quan đến chủ đề về Bác Hồ với Đảng bộ và nhân dân Bắc Ninh

¹ Thư viện tỉnh cấp, đổi 333 thẻ bạn đọc, tổng số thẻ hiện đang phục vụ là 7.445 thẻ; phục vụ 2.347 lượt bạn đọc; luân chuyển 7.158 lượt sách, báo, tạp chí các loại.

trong kho cơ sở Bảo tàng.

- Công tác Bảo tồn di tích, báo cáo thẩm tra phương án tu bổ, tôn tạo đối với 16 di tích, đến nay đã có tổng 55 di tích được hỗ trợ kinh phí; triển khai 02 dự án tu bổ, tôn tạo: Dự án tu bổ tôn tạo di tích chùa Giang Liễu, dự án tu bổ đền thờ Đàm Công Hiệu; tiếp tục hỗ trợ các địa phương thiết kế hồ sơ tu bổ các di tích; hoàn thành công tác giám sát, bàn giao công trình đưa vào sử dụng di tích đền Gia Phú; hoàn thiện hồ sơ, trình UBND tỉnh ra quyết định và cấp bằng xếp hạng cho 08 di tích; công tác tuyên truyền, phát huy giá trị di tích được thực hiện tốt, tại các điểm di tích đã đón và thuyết minh giới thiệu cho trên 1.200 lượt khách; triển khai thực hiện đề tài khoa học “Nghiên cứu giá trị tín ngưỡng thờ Mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và định hướng công tác quản lý trong đời sống đương đại”.

b) Thể dục thể thao

- Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh, Tham gia thi đấu 01 giải thể thao quốc tế môn Pencaksilat tại Ấn Độ từ ngày 11/10 - 17/10/2022, đạt 01 HCV. Cử đội tuyển thể thao đi tập huấn, thi đấu cọ sát nâng cao trình độ chuyên môn ở trong nước và nước ngoài chuẩn bị tham dự Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022; phối hợp tổ chức thành công Giải Bóng chuyền nữ cúp LienVietpostBank năm 2022; tổ chức thành công Giải vô địch Karate tỉnh Bắc Ninh mở rộng năm 2022.

- Trung tâm Đào tạo Bóng chuyền tỉnh, phối hợp tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 5 năm thành lập Đội Bóng chuyền nữ Kinh Bắc - Bắc Ninh (03/11/2017-03/11/2022); tham gia thi đấu Giải trẻ Cúp Câu lạc bộ Quốc gia năm 2022, từ ngày 27/9-15/10 tại tỉnh Bắc Kạn, kết quả xếp thứ 5/9 Đội; tham gia thi đấu Giải Bóng chuyền nữ Cúp LienVietPostBank năm 2022 tại Bắc Ninh, đạt Huy chương Bạc; tổ chức cho Đội tuyển tỉnh đi tập huấn nước ngoài tại Thái Lan, từ ngày 08-24/11/2022.

c) Phát thanh truyền hình

- Phát thanh: Sản xuất và phát sóng 90 chương trình thời sự tổng hợp; 180 chương trình chuyên đề, chuyên mục; 30 chương trình văn nghệ, ca nhạc. Phát sóng 495 giờ, chất lượng tốt.

- Truyền hình: Sản xuất và phát sóng 180 chương trình thời sự tổng hợp. 90 chương trình tạp chí, chuyên mục, chuyên đề. 75 chương trình văn nghệ, 75 chương trình thể thao. 30 chương trình dành cho thiếu nhi. Phát sóng 720 giờ, chất lượng tốt.

- Thông tin điện tử: Upload 60 chương trình truyền hình, 30 chương trình phát thanh, 30 các chương trình sân chơi, tạp chí, chuyên mục. Tổng số lượt người truy cập trong tháng 69.503 lượt.

9.5. An ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông

An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội:

- *Quân sự:* Các đơn vị duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ, xây dựng nền nếp chính quy, rèn luyện kỷ luật; tuần tra canh gác, KSQS bảo đảm an toàn. Tổ chức luyện tập phần cơ chế, luyện tập chuyển TTSSCĐ trong diễn tập KVPT tỉnh, tiến hành diễn tập động viên bảo đảm chặt chẽ... Bảo đảm tốt công tác hậu cần, kỹ thuật cho các nhiệm vụ; tiến hành sửa chữa vận chuyển dụng cụ, vật chất, VKTBKT phục vụ diễn tập KHPT tỉnh; bảo đảm xăng dầu vận tải theo kế hoạch. Cơ quan, đơn vị an toàn.

- *Công tác bảo vệ an ninh:* Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tiếp tục ổn định. Lực lượng Công an tỉnh đã chủ động nắm chắc tình hình, tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể giải quyết tốt những vấn đề nổi lên về ANTT ngay từ đầu và tại địa bàn cơ sở. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Bắc Ninh năm 2022 (BN-22) theo kế hoạch; Công tác đấu tranh phòng chống, tội phạm: *Phạm pháp hình sự:* Xảy ra 31 vụ (so với tháng 10/2022 giảm 15 vụ, bằng 32,6%), làm 02 người chết, 04 người bị thương; tài sản thiệt hại khoảng 1,34 tỷ đồng; điều tra làm rõ 29 vụ, 40 đối tượng, đạt tỷ lệ điều tra 93,5%; *Cờ bạc:* Bắt giữ 02 vụ, 42 đối tượng (so với tháng 10/2022 giảm 06 vụ), thu giữ 63,8 triệu đồng tiền mặt. Khởi tố 02 vụ, 42 bị can; *Tội phạm về kinh tế tham nhũng, buôn lậu:* Phát hiện, xử lý mới 08 vụ việc, 30 đối tượng, so với tháng 10/2022 giảm 25 vụ, 22 đối tượng. Trong đó khởi tố 03 vụ, 25 bị can; xử lý hành chính 05 vụ, 05 đối tượng, số tiền phạt 127,5 triệu đồng. Ngoài ra, làm rõ 01 vụ từ tháng trước, xử phạt hành chính 01 đối tượng, số tiền phạt 750 nghìn đồng; *Tội phạm về ma túy:* Phát hiện, bắt giữ 16 vụ, 52 đối tượng mua bán, tàng trữ, tổ chức, sử dụng trái phép chất ma túy (so với tháng 10/2022 giảm 29 vụ); thu giữ 12,0951g heroin, 21,1543 gam MTTH. Lập hồ sơ khởi tố 15 vụ, 24 bị can; còn lại xử lý hành chính. Hiện có 740 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý, so với tháng 10/2022 tăng 02 người;

Tình hình an toàn giao thông: Trong tháng, xảy ra 08 vụ TNGT, làm chết 04 người, bị thương 04 người. So với tháng 10/2022, không tăng giảm số vụ và số người bị thương, giảm 02 người chết. Xử phạt 1175 trường hợp, với số tiền gần 3,2 tỷ đồng, tước GPLX có thời hạn 244 trường hợp (trong đó, xử phạt qua hệ thống camera giao thông 28 trường hợp, với số tiền gần 140 triệu đồng).

9.6. Phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

Công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC) và cứu nạn, cứu hộ (CNCH):

Trong tháng, xảy ra 04 vụ, so với tháng 10/2022 tăng 03 vụ. Ngành chức năng tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả đợt cao điểm tổng rà soát, kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên phạm vi toàn tỉnh. Kết quả: đã kiểm tra 19.647/26.940 cơ sở, đạt 72,9%, phát hiện, xử lý 586 cơ sở vi phạm, với số tiền gần 14 tỷ đồng; đình chỉ hoạt động 42 cơ sở, tạm đình chỉ hoạt động 179 cơ sở. Cấp 20 giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC; nghiệm thu 06 dự án, công trình về PCCC. Tổ chức 268 lớp huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho trên 6.000 người

Công tác bảo vệ môi trường, trong tháng, Kiểm tra, phát hiện 14 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm (so với tháng 10/2022 giảm 17 vụ). Đã xác minh làm rõ, xử phạt hành chính 11 vụ, phạt 05 tổ chức, 06 cá nhân, số tiền phạt 675,3 triệu đồng; đang tiếp tục xác minh làm rõ 03 vụ. Ngoài ra, làm rõ 04 vụ từ các tháng trước; xử phạt VPHC 02 tổ chức, 03 cá nhân, số tiền phạt số tiền phạt 412 triệu đồng.

Khái quát lại: Trong 11 tháng qua, kinh tế của tỉnh chịu tác động từ kinh tế thế giới gia tăng khả năng suy thoái; lạm phát tiếp tục kéo dài ở nhiều quốc gia; cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina...; các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, đầu tư, thu ngân sách,... gặp nhiều khó khăn so với cùng kỳ nhiều năm trước. Tuy nhiên, tỉnh Bắc Ninh, thực hiện nghiêm túc và triển khai có hiệu quả các nghị quyết, kết luận của Trung ương, của Quốc hội, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về phát triển kinh tế xã hội năm 2022 và kế hoạch 5 năm 2021-2025,... Vì vậy, dù gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn đạt được những kết quả khá tích cực, cụ thể một số kết quả nổi bật như sau: (1) Tiếp tục kiểm soát tốt dịch bệnh, bảo vệ, chăm lo sức khỏe cho người dân dù dịch bệnh hiện nay vẫn diễn biến khá phức tạp; (2) Các cân đối lớn được đảm bảo tốt như thu - chi ngân sách Nhà nước (bội thu ngân sách); xuất, nhập khẩu mặc dù chững lại (nhưng vẫn xuất siêu 5,59 tỷ USD); đảm bảo đủ điện, năng lượng và xăng, dầu trên địa bàn tỉnh; doanh nghiệp tiếp tục phát triển, cung - cầu lao động trong tỉnh được bảo đảm, thị trường lao động phục hồi tương đối tốt; (3) Kinh tế tiếp tục phục hồi: Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản giữ ổn định; sản xuất công nghiệp tăng trưởng khá, chỉ số IIP 11 tháng tăng 8,73%; thương mại dịch vụ sôi động, phục hồi rất nhanh ở hầu hết các ngành: Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tăng rất cao 39,9% so với cùng kỳ năm 2021; (4) Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tăng 7,6%. Thu hút vốn

FDI đăng ký điều chỉnh tăng gấp gần 3 lần; (5) Phát triển doanh nghiệp đạt kết quả khá tích cực: Số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động gấp 1,9 lần số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường; (6) Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được chú trọng, đời sống của người dân tiếp tục được cải thiện. Các hoạt động chăm lo đối tượng chính sách, người nghèo, người lao động được tỉnh triển khai tích cực, hiệu quả; (7) Quốc phòng, an ninh được bảo đảm, kịp thời xử lý các vấn đề an ninh, trật tự phát sinh trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó vẫn còn những khó khăn, thách thức và những hạn chế, bất cập như: (1) Tình hình thế giới còn diễn biến phức tạp, sức ép lạm phát cao; giải ngân đầu tư công trong tỉnh chậm được cải thiện, chưa có giải pháp đột phá; (2) Thu hút FDI đăng ký mới chưa được như kỳ vọng; (3) Hoạt động kinh doanh một số lĩnh vực còn khó khăn, số doanh nghiệp rút lui và giải thể còn tăng cao so với cùng kỳ; (4) Tốc độ phục hồi sản xuất công nghiệp có xu hướng chậm lại; (5) Dịch Covid-19 vẫn tồn tại với sự xuất hiện của biến thể mới, nguy cơ bùng phát dịch cúm A, sốt xuất huyết, đậu mùa khỉ v.v... (6) Hiện tượng một số doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ xăng dầu đóng cửa hoặc tạm ngừng kinh doanh; một số doanh nghiệp cắt giảm nhân công ảnh hưởng đến việc làm của người lao động...

Do thời gian còn lại của năm 2022 chỉ còn 1 tháng để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của năm, điều này đòi hỏi quyết tâm rất cao, nỗ lực rất lớn. Vì vậy, toàn bộ hệ thống chính trị của tỉnh cần phát huy tinh thần, chủ động, kịp thời, phối hợp chặt chẽ xử lý các vấn đề vướng mắc, tập trung thực hiện nhanh, quyết liệt, hiệu quả các giải pháp căn cơ để đạt mục tiêu đề ra./.

Nơi nhận:

- Thường trực TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP tỉnh uỷ, VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Vụ TKTH (TCTK);
- Sở KHĐT, Sở Tài chính, NHNN tỉnh;
- Phòng ANKT (CA tỉnh); Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- LĐ Cục, các phòng thuộc CQ Cục;
- Chi cục Thống kê các H,TP;
- Lưu: TKTH,VT.

Q. CỤC TRƯỞNG

Vũ Minh Giang